

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỎ CÀY NAM
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **61/2024/DS-ST**

Ngày: 06/06/2024

V/v: Tranh chấp hợp đồng
tín dụng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM - TỈNH BẾN TRE

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Yến

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Xuân Đông

2. Bà Nguyễn Thị Thùy Dương

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoàng Thu Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Lanh – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 06 năm 2024, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 66/2024/TLST-DS ngày 18 tháng 03 năm 2024 về việc: Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 188/2024/QĐ-ST ngày 08 tháng 05 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 217/2024/QĐST-DS ngày 21 tháng 05 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Ngân hàng N1 (A)**

Trụ sở chính: **số B đường L, phường T, quận B, Thành phố Hà Nội**

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Phạm Toàn V** - Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện ủy quyền khởi kiện: Ông **Võ Hoàng H** – Giám đốc **Ngân hàng N2 – Chi nhánh huyện M**.

Người đại diện ủy quyền tham gia tố tụng: Bà **Lê Thị Kiều O** – TP Khách hàng **Ngân hàng N2 – Chi nhánh huyện M**; (Xin vắng mặt)

2. Bị đơn: Ông **Lê Văn N**, sinh năm 1978; (Vắng mặt)

Địa chỉ: **ấp T, xã M, huyện M, tỉnh Bến Tre**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản công khai chứng cứ, trong quá trình giải quyết vụ án đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chị **Lê Thị Kiều O** trình bày:

Ông **Lê Văn N** có vay vốn tại **Ngân hàng N1 – Chi nhánh huyện M – Phòng G** theo Hợp đồng tín dụng số: 7103-LAV-202201757 ngày 23/05/2022 căn cứ vào báo cáo đề xuất giải ngân kiêm giấy nhận nợ số 7103-LDS-202203268 ngày 23/05/2022 ông **N** đã nhận nợ cụ thể:

Số tiền vay: 100.000.000 đồng

Ngày vay: 23/05/2022

Thời hạn vay: 36 tháng

Mục đích vay: Chăn nuôi bò sinh sản

Kỳ hạn trả nợ: phân thành 03 kỳ:

Kỳ 1 ngày 23/05/2023 trả gốc 10.000.000 đồng

Kỳ 2 ngày 23/05/2024 trả gốc 10.000.000 đồng

Kỳ 3 ngày 23/05/2025 trả gốc 80.000.000 đồng

Lãi suất: 9,5%/năm, áp dụng lãi suất thả nổi

Lãi suất quá hạn: 150% với lãi suất vay đã thỏa thuận.

Sau khi ký kết Hợp đồng tín dụng thì Ngân hàng đã giải ngân toàn bộ số tiền vay theo Hợp đồng tín dụng số: 7103-LAV-202201757 ngày 23/05/2022 cho khách hàng.

Căn cứ vào khoản 2, khoản 3, Điều 9 Nghị định 55/2015/NĐ-CP và Nghị định 116/2018/NĐ-CP của Chính phủ quy định khách hàng vay phải nộp cho tổ chức tín dụng cho vay giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo giấy cam kết thực hiện biện pháp bảo đảm bằng tài sản ngày 23/05/2022.

Để đảm bảo cho khoản vay ông **N** đã giao cho Ngân hàng bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DD 649394, số vào sổ cấp GCN: CS08560 do **Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B** cấp cho ông **Lê Văn N** ngày 07/04/2022 đối với thửa đất 601, tờ bản đồ số 19 tọa lạc tại **xã M, huyện M, tỉnh Bến Tre**.

Đến kỳ hạn trả nợ theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng thì ngày 23/05/2023 phải trả số tiền gốc 10.000.000 đồng và tiền lãi vay nhưng ông **N** không trả được.

Ngân hàng đã phối hợp với chính quyền địa phương nhiều lần đến nhà của ông **N** để yêu cầu thanh toán nợ, ông **N** cam kết sẽ trả nhưng không thực hiện và cũng không phối hợp xử lý tài sản bảo đảm làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng. Hiện nay, ông **N** đã vi phạm hợp đồng tín dụng do vi phạm nghĩa vụ trả nợ.

Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu buộc ông **N** phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng số tiền tạm tính đến ngày 06/06/2024 theo Hợp đồng tín dụng số: 7103-

LAV-202201757 ngày 23/05/2022 là 102.210.930 đồng, trong đó tiền vay gốc là 100.000.000 đồng, tiền lãi là 2.210.930 đồng.

Buộc ông **N** phải tiếp tục chịu tiền lãi vay phát sinh trên dư nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng từ ngày 07/6/2024 cho đến khi thanh toán hết nợ.

Ngân hàng không có yêu cầu giải quyết đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất 601, tờ bản đồ số 19 tọa lạc tại **xã M, huyện M, tỉnh Bến Tre** trong vụ án này.

*Tòa án đã nhiều lần mời bị đơn ông **Lê Văn N** đến Tòa để trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng ông **N** không đến và cũng không có văn bản nêu ý kiến nên không có lời trình bày.*

Tại phiên tòa Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng; Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký cũng như những người tham gia tố tụng nghiêm túc thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình được Bộ luật tố tụng dân sự quy định.

Bị đơn **Lê Văn N** đã được triệu tập hợp lệ lần hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227 tiến hành xét xử vắng mặt ông **N**.

Về nội dung giải quyết vụ án:

Căn cứ Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc ông **N** phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng số tiền tạm tính đến ngày 06/06/2024 là 102.210.930 đồng, trong đó tiền vay gốc là 100.000.000 đồng, tiền lãi là 2.210.930 đồng theo Hợp đồng tín dụng số: 7103-LAV-202201757 ngày 23/05/2022. Ông **N** phải tiếp tục chịu tiền lãi vay phát sinh trên dư nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng từ ngày 07/6/2024 cho đến khi thanh toán hết nợ. Đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất 601, tờ bản đồ số 19 tọa lạc tại **xã M, huyện M, tỉnh Bến Tre** các đương sự không có yêu cầu giải quyết trong vụ án này nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng:

Căn cứ vào đơn khởi kiện và nội dung yêu cầu **Ngân hàng N1**, Hội đồng xét xử xác định vụ án có quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” vụ án thuộc

thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Đối với bị đơn ông **Lê Văn N** đã được triệu tập hợp lệ lần hai nhưng vắng mặt không có lý do, không có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông **N**.

[2]. Về nội dung giải quyết vụ án:

Hội đồng xét xử nhận định:

[2.1] Xét hợp đồng tín dụng:

Ngân hàng cho rằng, ông **N** có ký kết với Ngân hàng Hợp đồng tín dụng số: 7103-LAV-202201757 ngày 23/05/2022 với thỏa thuận:

Số tiền vay: 100.000.000 đồng

Thời hạn vay: 36 tháng

Mục đích vay: Chăn nuôi bò sinh sản

Ngân hàng đã giải ngân toàn bộ số tiền này cho bên vay theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. Tuy nhiên trong quá trình thực hiện hợp đồng ông **N** đã không thực hiện đúng thỏa thuận trong hợp đồng làm phát sinh nợ quá hạn nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông **N** thanh toán nợ.

Chứng cứ Ngân hàng cung cấp là Hợp đồng tín dụng số: 7103-LAV-202201757 ngày 23/05/2022 và báo cáo đề xuất giải ngân kèm giấy nhận nợ số 7103-LDS-202203268 ngày 23/05/2022.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần mời ông **N** đến tòa để trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng ông không đến và cũng không có văn bản trình bày ý kiến. Đồng thời, ông **N** cũng đã được tổng đạt hợp lệ đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ nguyên đơn giao nộp nhưng ông không có văn bản trình bày ý kiến hay phản đối gì đối với các chứng cứ này.

Căn cứ vào hợp đồng tín dụng số 7103-LAV-202201757 ngày 23/05/2022 thì ông **N** có ký tên xác nhận tại mục “Đại diện khách hàng”, tại báo cáo đề xuất giải ngân kèm giấy nhận nợ số 7103-LDS-202203268 ngày 23/05/2022 thì ông **N** có ký tên tại mục “Bên vay”.

Tại các biên bản xử lý nợ thì ông **N** đều thừa nhận có nợ tiền Ngân hàng theo hợp đồng tín dụng số 7103-LAV-202201757 ngày 23/05/2022, cam kết sẽ trả nợ cho Ngân hàng và có ký tên xác nhận tại mục “Đại diện bên vay vốn”. Các biên bản xử lý nợ này đều có xác nhận của chính quyền địa phương.

Từ những phân tích trên có căn cứ xác định ông **N** có ký kết hợp đồng tín dụng số 7103-LAV-202201757 ngày 23/05/2022 với Ngân hàng và đến ngày 06/06/2024 còn nợ lại số tiền gốc, lãi là 102.210.930 đồng

Căn cứ theo Hợp đồng tín dụng số 7103-LAV-202201757 ngày 23/05/2022 được ký kết giữa Ngân hàng và ông **N** thể hiện:

Tại điểm b, khoản 1, Điều 6 có nội dung:

Điều 6: Tạm ngừng cho vay, chấm dứt cho vay, thu hồi nợ trước hạn

1. Ngân hàng có quyền tạm ngừng cho vay hoặc chấm dứt cho vay, thu hồi nợ trước hạn đối với khách hàng trong các trường hợp sau:

b) Khách hàng vi phạm nội dung đã thỏa thuận trong Hợp đồng này mà không có biện pháp khắc phục khả thi được Ngân hàng chấp thuận...”

Căn cứ vào các hợp đồng tín dụng đã ký kết thì ông **N** đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng từ ngày 23/05/2023 và không có biện pháp khắc phục khả thi được Ngân hàng chấp thuận. Do đó, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông **N** phải thanh toán khoản nợ gốc, lãi trước hạn là có căn cứ chấp nhận.

Số tiền gốc, lãi phát sinh tạm tính đến 06/06/2024 là 102.210.930 đồng, trong đó số tiền vay gốc là 100.000.000 đồng và tiền lãi là 2.210.930 đồng. Do đó, buộc ông **N** phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền này cho Ngân hàng.

Ngân hàng yêu cầu ông **N** phải tiếp tục chịu tiền lãi vay phát sinh trên dư nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng từ ngày 07/6/2024 cho đến khi thanh toán hết nợ. Nội dung này phù hợp với thỏa thuận giữa các bên nên có căn cứ chấp nhận.

[2.2] Xét biện pháp bảo đảm cho khoản vay:

Để đảm bảo cho khoản vay ông **N** đã lập cam kết thực hiện biện pháp bảo đảm bằng tài sản ngày 23/05/2022 và giao cho Ngân hàng bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DD649394, số vào sổ cấp GCN:CS08560 do **Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B** cấp cho ông **Lê Văn N** ngày 07/04/2022 đối với thửa đất 601, tờ bản đồ số 19 tọa lạc tại **xã M, huyện M, tỉnh Bến Tre**.

Căn cứ vào khoản 2, khoản 3, Điều 9 Nghị định 55/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 06 năm 2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn và Nghị định 116/2018/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2015 của chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn thì việc Ngân hàng giữ bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất 601, tờ bản đồ số 19 tọa lạc tại **xã M, huyện M, tỉnh Bến Tre** của ông **N** là phù hợp với quy định pháp luật.

Trong vụ án này nguyên đơn và bị đơn đều không có yêu cầu giải quyết đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên nên không xem xét giải quyết.

Ngoài ra, các đương sự không có yêu cầu gì khác nên không xem xét giải quyết.

[3]. Xét đề nghị của Kiểm sát viên phù hợp nhận định trên nên chấp nhận.

[4]. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông **N** có nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm số tiền 5.111.000 đồng.

H1 lại cho Ngân hàng N1 số tiền tạm ứng án phí là 2.635.000 đồng theo biên lai thu số 0003923 ngày 13/03/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N1 đối với ông Lê Văn N.

Cụ thể tuyên:

1. Buộc ông Lê Văn N phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng N1 số tiền tạm tính đến ngày 06/06/2024 là 102.210.930 đồng, trong đó số tiền vay gốc là 100.000.000 đồng và tiền lãi là 2.210.930 đồng theo hợp đồng tín dụng số 7103-LAV-202201757 ngày 23/05/2022 được ký kết giữa Ngân hàng N2 – Chi nhánh huyện M – Phòng G với ông Lê Văn N.

2. Buộc ông Lê Văn N phải tiếp tục chịu tiền lãi vay phát sinh trên dư nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số 7103-LAV-202201757 ngày 23/05/2022 kể từ ngày 07/6/2024 cho đến khi thanh toán hết nợ.

3. Đình chỉ thực hiện Hợp đồng tín dụng số 7103-LAV-202201757 ngày 23/05/2022 được ký kết giữa Ngân hàng N1 – Chi nhánh huyện M – Phòng G với ông Lê Văn N.

Các đương sự không còn yêu cầu nào khác, không xem xét.

4. Án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc ông Lê Văn N phải chịu án phí sơ thẩm số tiền 5.111.000 đồng.

H1 lại cho Ngân hàng N1 số tiền tạm ứng án phí là 2.635.000 đồng theo biên lai thu số 0003923 ngày 13/03/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành bản án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án, đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng

cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- VKSND huyện Mỏ Cày Nam;
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Nam;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu (Hs, Vp).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Ngọc Yến